TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1169 /2019/DS-PT
Ngày: 29/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị K**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Huỳnh Thị Như H**
2. Bà **Phan Thị L**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28, 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành Phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2019/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4950/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9519/QĐ-HPT ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà B đường NT, phường PT, quận TP, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Diệu L, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: xã P, Tp PT, tỉnh BT.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 28/12/2018 tại Văn phòng công chứng TP, Thành phố H.

Bị Đơn: Bà Dương Quí Ph, sinh năm: 1971. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 625/3 Âu Cơ, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bảo Nguyên, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp Ga, Thị trấn Tân Hiệp, Châu Thành, Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 12/3/2019 tại Văn phòng công chứng Văn Thị Mỹ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và lời trình bày của đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Diệu Linh tại Tòa:

Ngày 02/01/2019, ông Nguyễn Tuấn K có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Quí Ph phải trả cho ông K số tiền 1.166.042.000 (Một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh theo các giấy mượn tiền ngày 14/06/2018; ngày 20/06/2018; ngày 27/06/2018; ngày 29/06/2018; ngày 06/07/2018; ngày 16/07/2018.

Ngày 16/5/2019, ông K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Ông K chỉ yêu cầu bà Phượng có nghĩa vụ thanh toán cho ông các khoản nợ theo các giấy mượn tiền cụ thể như sau: giấy mượn tiền ngày 14/06/2018 mượn số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, hẹn trong vòng 01 tháng trả; ngày 20/06/2018 mượn số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, hẹn trong vòng 06 tháng trả; ngày 27/06/2018 mượn số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, hẹn trong vòng 02 tháng trả. Tổng cộng là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Đến tháng 01/2019 thông qua công ty đòi nợ bà Phượng đã trả cho ông K số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, số tiền còn thiếu lại là 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng.

Đại diện nguyên đơn cho rằng các giấy mượn tiền mà bà Phượng ký cho ông K là việc vay tiền có lãi suất, lãi suất là 1,67%/ tháng, bà Phượng chỉ đóng lãi có 02 tháng đưa tiền mặt thể hiện phía sau giấy nợ ngày 20/06/2018 (nên ghi 20/7, 20/8), số tiền này là 6.680.000 (Sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Nay trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Phượng thanh toán số tiền là 596.113.764 (Năm trăm chín mươi sáu triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó: nợ gốc là 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi

triệu) đồng theo các giấy vay tiền ngày 14/6/2018; ngày 20/6/2018; ngày 27/6/2018 và lãi suất trong hạn theo thỏa thuận là 21.710.000 (Hai mươi mốt triệu bảy trăm mười nghìn) đồng, lãi trên nợ gốc theo lãi suất vì chậm trả là: 1.718.764 (Một triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: 92.685.000 (Chín mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông K chỉ cho bà Phượng mượn tiền nên chỉ yêu cầu cá nhân bà Phượng trả tiền, không yêu cầu chồng bà Phượng là Nguyễn Văn Đông phải trả số tiền này và không yêu cầu đưa ông Đông vào tham gia trong vụ án.

Đại diện bị đơn bà Nguyễn Bảo Nguyên trình bày: bà Phượng xác nhận có mượn số tiền của ông K theo các giấy mượn tiền ngày 14/06/2018 mượn số tiền 100.000.000đồng, ngày 20/06/2018 mượn số tiền 200.000.000 đồng, ngày 27/06/2018 mượn số tiền 200.000.000 đồng

Đối với giấy nợ ngày 20/06/2018 phía sau giấy nợ này có ghi 20/7 và 20/8 thì đại diện bà Phượng xác nhận đây là tiền trả lãi cho ông K. Đối với các giấy nợ khác thì không có lãi suất.

Đại diện bị đơn xác nhận là bà Phượng đã trả cho ông K thông qua công ty đòi nợ là 20.000.000 đồng. Còn thiếu lại ông K là số tiền là 480.000.000 đồng theo 03 giấy nợ trên.

- Về trách nhiệm thanh toán: Bà Phượng có chồng là Nguyễn Văn Đông, nhưng trách nhiệm thanh toán là của cá nhân bà Phượng và không yêu cầu đưa chồng bà Phượng vào tham gia trong vụ án này.

Nay bà Phượng đồng ý trả số tiền vốn là 480.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả lãi đối với giấy nợ ngày 20/06/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu cá nhân bà Phượng trả cho ông K số tiền là 620.969.710 đồng gồm vốn và lãi theo theo 03 giấy nợ ngày 14,20,27 tháng 06 năm 2018. Cụ thể như sau:

- Tiền vốn gốc là 480.000.000 đồng
- Lãi suất trong hạn thỏa thuận là 1,67%/tháng.

+ Đối với giấy nợ ngày 14/06/2018 là 1.670.000 đồng ; Giấy nợ ngày 20/06/2018 là 20.040.000 đồng; Giấy nợ ngày 27/06/2018 là 6.680.000 đồng đã trả tiền lãi là 6.680.000 đồng , còn lại phải trả là 21.710.000 đồng.

- Lãi trên nợ gốc theo lãi suất vay trong hạn thỏa thuận vì chậm trả (tính đến hết tháng 07/2019)

+ Đối với giấy nợ ngày 14/06/2018 là 166.332 đồng; Giấy nợ ngày 20/06/2018 là 776.216 đồng; Giấy nợ ngày 27/06/2018 là 582.162 đồng. Tổng cộng phải trả là 1.524.710 đồng

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (tính đến hết tháng 07/2019)

+ Đối với giấy nợ ngày 14/06/2018 là 30.060.000 đồng; Giấy nợ ngày 20/06/2018 là 35.070.000 đồng; Giấy nợ ngày 27/06/2018 là 52.605.000 đồng. Tổng cộng phải trả là 117.735.000 đồng

Thanh toán 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Đại diện bị đơn: Bà Phượng đồng ý trả cho ông K số tiền vốn là 480.000.000 đồng theo 03 giấy nợ ngày 14,20,27/06/2018.

Về tiền lãi: Không đồng ý với các tính lãi của nguyên đơn vì chỉ có giấy nợ ngày 20/06/2018 là có lãi, còn hai giấy nợ ngày 14 và ngày 27 là không có lãi. Bà Phượng không đồng ý với mức lãi suất là 1,67%/ tháng của đại diện nguyên đơn nhưng bà Phượng cũng không nhớ là lãi suất bao nhiêu nên đề nghị giải quyết theo qui định. Cụ thể là :

- Giấy mượn tiền ngày 14/06/2018, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng, không lãi, quá hạn thanh toán là 388 ngày là 10.777.778 đồng.

- Giấy mượn tiền ngày 27/06/2018, vay số tiền 200.000.000 đồng , thời hạn vay 2 tháng, không lãi, quá hạn thanh toán là 344 ngày là 19.111.111 đồng.

- Giấy mượn tiền ngày 20/6/2018, vay số tiền 200.000.000 đồng , thời hạn vay 6 tháng, lãi theo qui định là 10%/ năm

+ Nợ lãi trong hạn là 6.640.000 đồng

+ Lãi quá hạn 387.178 đồng

+ Nợ lãi trên nợ gốc đến 3/1/2019 là 1.150.684 đồng

Đến ngày 03/01/2019 trả 20.000.000 đồng , nợ gốc là 180.000.000 đồng

+ Lãi trên nợ gốc từ 03/01/2019 là 215 ngày là 15.904.109 đồng

Tổng cộng tiền lãi là 53.970.860 đồng

Bà Phượng đồng ý thanh toán cho ông K tổng số tiền là 533.970.860 đồng nhưng do hiện nay bà Phượng khó khăn xin trả dần mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất số tiền 20.000.000 đồng được trả cho giấy nợ ngày 20/06/2018.

Tại bản án sơ thẩm số: 232/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Dương Quí Ph có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền là 533.691.158 đồng (trong đó: tiền vay mượn là 480.000.000 đồng, tiền lãi là 53.691.158 đồng) theo các giấy mượn tiền ngày 14, 20, 27/6/2018

Thời hạn và phương thức thi hành: Trả một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Quí Ph phải chịu án phí là 25.347.646 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí là 4.363.928 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp biên lai thu tiền số 0012407 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn lại cho ông K số tiền 19.126.702 đồng theo biên lai thu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 19/8/2019 bị đơn bà Dương Quí Phượng kháng cáo bản án số 232/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Bảo Nguyên đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày kháng cáo: Bà xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa một phần bản án, cụ thể là phần tiền lãi 6.680.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn và xem xét lại thời gian tính lãi.

Đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Diệu Linh không đồng ý, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử.

+Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi mà bị đơn đã trả và thời gian tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Dương Quí Phượng trong hạn luật định, căn cứ theo Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Bảo Nguyên đại diện bà Phượng thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa môt phần bản án sơ thẩm đối với phần lãi suất và xin trả dần số nợ trên. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo này là phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[1.2] Các đương sự có mặt nên xét xử theo quy định tại Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung:

[2.1]Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Bà Nguyễn Bảo Nguyên đại diện bị đơn trình bày: Bà thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa một phần án sơ thẩm ở phần lãi suất, cụ thể: số tiền lãi 6.680.000 đồng mà bà Phượng trả cho giấy nợ ngày 20/6/2018, số tiền này là trả cho 02 tháng tiền lãi gồm tháng 07/2018 và tháng 08/2018. Lãi suất được xác định là 10%/năm, nên số tiền lãi bà Phượng phải trả cho 02 tháng này chỉ là 3.333.333 đồng. Như vậy, số tiền còn thừa phải được cấn trừ vào phần nợ gốc. Ngoài ra bà đề nghị xem xét lại về thời gian tính lãi của giấy nợ ngày 14/6/2018 và giấy nợ ngày 27/6/2018 có sự chênh lệch số ngày, cụ thể là giấy nợ ngày 14/6/2018 được tính 388 ngày nhưng cấp sơ thẩm tính 13 tháng 23 ngày(413 ngày) và giấy nợ ngày 27/6

được tính 343 ngày, cấp sơ thẩm đã tính 388 ngày. Bà Phượng còn xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 30.000.000 đồng đến khi hết nợ.

-Đối với mức lãi suất và thời gian tính lãi: Các bên thống nhất đồng ý tính theo qui định 10%/năm mà cấp sơ thẩm đã tính và thời gian tính lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

-Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn đồng ý trả vốn và lãi, trong đó bị đơn xác định số tiền lãi phải trả của tổng 03 khoản vay là 53.970.860 đồng, tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ buộc bị đơn phải trả lãi là 53.691.158 đồng, nghĩa là thấp hợn số tiền lãi mà bị đơn đồng ý trả, như vậy là có lợi cho phía bị đơn. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn đề nghị điều chỉnh lại đối với số tiền lãi 6.680.000 đồng đã trả 02 tháng cho giấy nợ ngày 20/6/2018 cho nguyên đơn và tính lại thời gian trả lãi. Xét thấy đây là tình tiết mới và yêu cầu điều chỉnh này cũng đúng với qui định pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Cụ thể điều chỉnh về phần lãi suất như sau:

Các bên thống nhất đồng ý tính theo qui định 10%/năm cách tính như cấp sơ thẩm đã tính và thời gian tính lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Đối với khoản vay 200.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20/6/2018:

Bà Phượng đã trả được 02 tháng tiền lãi 6.680.000 đồng. Số tiền lãi của 02 tháng này được tính lại:

200.000.000đồng x (10%:12) x 2 = 3.333.333 đồng (tiền lãi)

Như vậy 6.680.000 - 3.333.333 = 3.346.667 đồng(tiền lãi)

Số tiền lãi còn lại này sẽ được trừ vào phần vốn gốc là: 200.000.000 đồng – 3.346.667 đồng = 196.653.333 đồng (tiền vốn).

Vậy, khoản tiền lãi mà bà Phượng phải trả cho ông K đối với khoản vay này như sau:

Lãi suất vay 10% /năm, thời hạn vay 6 tháng. Hết hạn vào ngày 20/12/2018.

Bà Phượng trả được 02 tháng tiền lãi, lãi suất trong hạn phát sinh trong 4 tháng cuối là:

196.653.333 đồng x (10%/năm:12 tháng) x 4 tháng = 6.555.111 đồng (tiền lãi)

Lãi trên nợ lãi chưa trả: 6.555.111 x (10% : 365 ngày) x 228 ngày = 409.470 đồng(tiền lãi).

Ngày 03/01/2019 bà Phượng trả tiếp 20.000.000 tiền vốn nên lãi suất trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 21/12/2019 đến 03/01/2019:

196.653.333 đồng x 150% x (10% : 365 ngày) x 14 ngày = 1.131.430 đồng

Số nợ gốc quá hạn từ ngày 03/01/2019 là: 196.653.333 đồng – 20.000.000 đồng = 176.653.333 đồng(tiền vốn).

Tiền lãi nợ gốc quá hạn từ ngày 03/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là:

176.653.333 đồng x 150% x (10% : 365) x 215 ngày = 15.608.411 đồng.(tiền lãi)

Tổng phần tiền lãi phải trả của giấy nợ ngày 20/6/2018 là:

6.555.111 đồng + 409.470 đồng + 1.131.430 đồng + 15.608.411 đồng = 23.704.422 đồng

*Đối với khoản vay 100.000.000 đồng của giấy nợ ngày 14/6/2018:

Thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất, hết hạn vào ngày 14/7/2018. Thời gian quá hạn là 388ngày(12 tháng 23 ngày).

Lãi suất quá hạn : 100.000.000 đồng x (10%: 365) x 388ngày = 10.630.137 đồng

*Đối với khoản vay 200.000.000 đồng của giấy nợ ngày 27/6/2018:

Thời hạn vay 02 tháng, không tính lãi, hết hạn vay vào ngày 27/8/2018. Thời gian quá hạn là 343 ngày.

Lãi suất quá hạn phát sinh là:

200.000.000 đồng x (10% : 365) x 343 ngày = 18.794.520 đồng.

*Tổng cộng lãi suất của 03 khoản vay mà các bên đương sự đồng ý tính đến này xét xử sơ thẩm là :

23.704.422 đồng + 10.630.137 đồng + 18.794.520 đồng = 53.129.079 đồng.

*Tiền gốc mà bà Phượng phải trả là:

100.000.000 đồng + 200.000.000 đồng + 176.6553.333 đồng= 476.653.333 đồng.

Bà Phượng còn xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu này của đương sự.

Vì vậy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ

[3] Về án phí:

-Án phí DSST: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.397.600 đồng. Bà Phượng phải chịu án phí DSST là 25.191.300đồng.

-Án phí DSPT: Bà Phượng không phải chịu án phí DSPT. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Phượng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 313,148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

-Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Dương Quí Phượng.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 232/2019/DS – ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn Kiệt

-Buộc bà Dương Quí Phượng phải trả cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền là **476.653.333***(Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba)* đồng tiền vốn và **53.129.079** (*năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín)* đồng tiền lãi (theo các giấy mượn tiền ngày 14/6/2018; 20/6/2018 và 27/6/2018).

-Thời hạn thanh toán: Bà Phượng phải trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Quí Phượng phải chịu án phí là 25.191.300(*Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi mốt ngàn, ba trăm*) đồng.

Ông Nguyễn Tuấn Kiệt phải chịu án phí là 3.379.600(*ba triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm*) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp biên lai thu tiền số 0012407 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn lại cho ông K số tiền 20.111.030(*Hai mươi triệu, một trăm mười một ngàn, ba mươi đồng)* đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3.Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Quí Phượng không phải án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà bà Phượng nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0012668 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị K

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (T35)